

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần DamSan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 255.178.010.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười nghìn đồng chẵn), tổng số cổ phần là 25.517.801 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là ADS.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của 01 Công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Chi tiết đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp" của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

- Ông Vũ Huy Đông
- Ông Đỗ Văn Khôi
- Ông Nguyễn Lê Hùng
- Ông Vũ Huy Đức
- Ông Lê Văn Tuấn

Chức vụ

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Vũ Huy Đông
- Bà Vũ Phương Diệp

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

- Ông Vũ Văn Hiệu
- Bà Vũ Thùy Linh
- Bà Tạ Thị Thu Hiền
- Bà Phạm Thị Hôi

Chức vụ

- Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14/4/2018)
- Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 20/4/2018)
- Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/4/2018)
- Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Huy Đông - Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
----------------------	--------------------

Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty con
----------------------------	-------------

Viện Dệt may	Công ty liên doanh, liên kết
--------------	------------------------------

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Huy Đông

Số: 68 /2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần DamSan được lập ngày 05 tháng 04 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 52 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần DamSan, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo đến thuyết minh số 5.3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Biên bản họp số 10012018-1/HĐQT ngày 10/01/2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên các sổ tiết kiệm gửi tại các tổ chức tín dụng. Tổng số tiền gửi có kỳ hạn đứng tên cá nhân tại ngày 31/12/2018 là 56.651.507.903 đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này các sổ tiết kiệm đã được tắt toán, toàn bộ tiền gốc và lãi đã được chuyển về tài khoản Công ty. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DamSan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.278.355.904.999	1.097.379.483.771
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.396.650.126	172.247.764.083
Tiền	111		29.096.559.715	162.958.693.777
Các khoản tương đương tiền	112		2.300.090.411	9.289.070.306
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		319.952.749.369	264.299.550.814
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	4.190.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	315.762.749.369	264.299.550.814
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		506.430.182.003	352.653.082.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	215.518.780.112	164.300.199.287
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	113.175.022.817	41.957.050.878
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	67.878.793.683	57.973.793.233
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	119.450.505.803	96.468.922.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.9	(9.592.920.412)	(8.046.884.071)
Hàng tồn kho	140	5.10	400.102.945.667	293.907.403.178
Hàng tồn kho	141		400.102.945.667	293.907.403.178
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.473.377.834	14.271.683.458
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	389.142.030	535.252.727
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.208.408.697	12.097.212.698
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	875.827.107	1.639.218.033
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		434.552.277.188	467.752.451.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.606.902.550
Phải thu dài hạn khác	216		-	3.606.902.550
Tài sản cố định	220		390.681.837.234	450.990.034.187
Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	389.478.788.163	426.100.519.859
- Nguyên giá	222		727.266.620.651	699.611.800.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(337.787.832.488)	(273.511.281.076)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	23.590.199.913
- Nguyên giá	225		-	35.385.299.873
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(11.795.099.960)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	1.203.049.071	1.299.314.415
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.082.257.304)	(985.991.960)
Tài sản dở dang dài hạn	240		424.565.305	2.122.024.829
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		424.565.305	2.122.024.829
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	31.575.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.575.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		11.870.874.649	11.033.490.404
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.705.537.236	10.638.671.661
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		165.337.413	394.818.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.712.908.182.187	1.565.131.935.741

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.260.931.695.544	1.134.303.014.496
Nợ ngắn hạn	310		1.118.680.174.347	933.050.103.837
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	150.568.483.808	123.042.830.719
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	9.720.569.970	6.618.874.149
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.917.522.294	4.540.541.436
Phải trả người lao động	314		5.071.305.573	4.886.227.470
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	420.804.166	542.629.551
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		176.396.614	373.054.674
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	287.096.774.940	211.694.346.404
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	659.705.062.666	578.605.520.334
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.003.254.316	2.746.079.100
Nợ dài hạn	330		142.251.521.197	201.252.910.659
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	142.251.521.197	201.252.910.659
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		451.976.486.643	430.828.921.245
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	451.976.486.643	430.828.921.245
Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.178.010.000	255.178.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.178.010.000	255.178.010.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		60.283.587.273	60.283.587.273
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.659.155.594	6.773.392.770
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.675.917.352	86.329.985.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.151.445.496	20.254.822.499
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.524.471.856	66.075.163.037
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.885.792.148	19.969.921.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.712.908.182.187	1.565.131.935.741

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Xuân Chiến

Lê Xuân Chiến**Vũ Huy Đông**

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.839.442.890.839	1.503.377.958.705
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	336.700.205	732.509.861
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.839.106.190.634	1.502.645.448.844
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.709.214.196.484	1.380.874.334.410
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		129.891.994.150	121.771.114.434
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	28.438.178.916	32.812.734.356
Chi phí tài chính	22	6.4	62.509.756.314	39.430.268.948
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.563.073.169	34.384.607.970
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	11.125.290.346	13.050.112.324
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	30.773.445.415	29.884.017.807
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.921.680.991	72.219.449.711
Thu nhập khác	31	6.6	8.331.580.952	850.101.678
Chi phí khác	32	6.7	744.772.323	2.031.459.913
Lợi nhuận khác	40		7.586.808.629	(1.181.358.235)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.508.489.620	71.038.091.476
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.838.665.676	8.208.662.796
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		229.481.330	(29.332.118)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.440.342.614	62.858.760.798
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		50.524.471.856	57.917.983.036
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.915.870.758	4.940.777.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.940	3.284
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.940	3.284

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Chiến



Lê Xuân Chiến



Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)**Mẫu số B 03-DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	61.508.489.620	71.038.091.476
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	61.574.671.519	60.250.738.454
Các khoản dự phòng	03	1.546.036.341	1.936.979.686
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.860.122.453	(1.289.648.851)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.630.352.381)	(26.410.896.506)
Chi phí lãi vay	06	41.563.073.169	34.384.607.970
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	142.422.040.721	139.909.872.229
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(168.281.664.680)	(121.921.608.177)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(106.195.542.489)	(89.433.740.298)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	125.527.411.030	5.749.312.375
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(920.754.878)	(921.042.965)
Tiền lãi vay đã trả	14	(41.684.898.554)	(34.345.604.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.419.436.188)	(6.165.119.674)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(56.552.845.038)	(107.127.930.878)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.699.924.929)	(53.350.961.545)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	14.398.983.096	561.863.182
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(316.614.831.034)	(131.367.442.466)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	260.033.050.814	62.206.553.225
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(31.575.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	24.600.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.037.197.714	24.150.337.049
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50.420.524.339)	(73.199.650.555)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	146.403.887.273
Tiền thu từ đi vay	33	2.232.372.915.704	1.726.085.837.230
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.211.915.564.094)	(1.528.542.894.818)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.144.218.184)	(7.333.526.042)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(52.135.552.000)	(32.725.427.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.822.418.574)	303.887.876.643

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)**Mẫu số B 03-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(140.795.787.951)	123.560.295.210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	172.247.764.083	48.693.120.665
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(55.326.006)	(5.651.792)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	31.396.650.126	172.247.764.083

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****Lê Xuân Chiến****Lê Xuân Chiến****Vũ Huy Đông**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần DamSan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 07/03/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 255.178.010.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười ngàn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán ADS theo Quyết định số 724/TB-SGDHCM ngày 22/06/2016. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ADS là ngày 29/06/2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2018 là 630 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 605 người).

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký và hoạt động)	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Thái Bình	80	80	Dệt sợi
Công ty liên kết				
Viện Dệt may	Hà Nội	30	30	Sản xuất sợi

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần DamSan và Báo cáo tài chính của 01 công ty con do Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi và lỗ nội bộ thực hiện giữa các đơn vị trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng số vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của hàng tồn kho được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6.2 Tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị	10 năm
------------------	--------

4.6.3 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (20 năm). Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tại ngày 16 tháng 08 năm 2018, theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 16082018/HĐQT, Công ty thông qua việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện Dệt may cho các nhà đầu tư bên ngoài trong thời gian từ quý IV/2018 đến quý II/2019. Do vậy, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu mà hợp nhất theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ dụng cụ, chi phí mua bảo hiểm và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

- (v) Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau: Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong năm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan

II được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 10%. Năm 2018 là năm thứ 12 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 8 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II.

Công ty Cổ phần Sợi Eiffel - Công ty con của Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trong khu công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Theo đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2018, là năm thứ hai Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.20. Giao dịch mua, chuyển nhượng cổ phần quan trọng trong năm

Trong năm, Công ty thông qua Tờ trình Phương án mua cổ phần Viện Dệt may Việt Nam theo Nghị quyết số 1404/2018/NQ-ĐHĐ/ADS ngày 14 tháng 04 năm 2018.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Công ty hoàn thành việc mua 1.500.000 cổ phiếu Viện Dệt may (tương ứng 30% tỷ lệ sở hữu) với số tiền 31.575.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt (i)	146.071.391	492.293.862
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	28.950.488.324	162.466.399.915
Các khoản tương đương tiền (iii)	2.300.090.411	9.289.070.306
Cộng	31.396.650.126	172.247.764.083

TIỀN MẶT**(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		146.071.391
Cộng		146.071.391

TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ		21.591.331.476
USD	931.026,43	21.588.662.139
EURO	101,60	2.669.337
Đồng Việt Nam		7.359.156.848
Cộng		28.950.488.324

CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		2.300.090.411
Cộng		2.300.090.411

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái với lãi suất từ 4,9% - 6,6%/năm và tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với lãi suất 4,6%/năm.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành:

- Số lượng 419 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu.
- Ngày phát hành: 19 tháng 12 năm 2018, kỳ hạn 7 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lãi suất: bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8% (không phải tám phần trăm)/năm.

Giá gốc chứng khoán kinh doanh: 4.190.000.000 đồng; giá trị hợp lý: 4.190.000.000 đồng; dự phòng: 0 đồng.

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	315.762.749.369	264.299.550.814
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình {a}	78.473.233.749	66.179.475.830
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	29.795.530.200	28.728.125.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {c}	24.097.317.679	22.618.499.340
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	55.418.347.299	55.043.090.491
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	41.014.653.731	40.942.880.016
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở {f}	5.950.000.000	23.190.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	32.850.000.000	13.950.000.000
Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội {h}	20.200.000.000	9.066.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội {i}	11.300.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình {j}	15.451.344.966	1.161.880.191
Tổ chức tín dụng khác {k}	1.212.321.745	3.419.599.946
b) Dài hạn	-	-
Cộng	315.762.749.369	264.299.550.814

- {a} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 6,4%/năm đến 6,8%/năm.
- {b} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô, Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 6,8%/năm.
- {c} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 7%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, số tiền 21.597.317.679 đồng, có lãi suất 7,2%/năm đến 7,3%/năm.
- {d} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,4%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, số tiền 31.575.869.782 đồng, có lãi suất 6,6%/năm đến 6,9%/năm.
- {e} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,3%/năm đến 7,6%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, số tiền 1.014.653.731 đồng, có lãi suất 7,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- {f} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6,8%/năm đến 6,9%/năm và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,75%/năm.
- {g} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất từ 6,4%/năm đến 6,9%/năm.
- {h} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có lãi suất từ 7,4%/năm.
- {i} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,1%/năm.
- {j} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có lãi suất 7,3%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 13 tháng, số tiền 1.251.344.966 đồng, có lãi suất 7,2%/năm.
- {k} Tiền gửi tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Thái Bình số tiền 1.212.321.745 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,1%/năm.

Tổng số tiền gửi tiết kiệm được ủy quyền ông Vũ Huy Đông đứng tên tại các tổ chức tín dụng là 56.651.507.903 đồng.

5.4 Phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	215.518.780.112	164.300.199.287
Phải thu khách hàng nước ngoài	42.404.327.029	31.254.071.842
+ Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,Ltd	14.069.772.332	-
+ China Ctexic Corporation	9.217.417.422	-
+ China Textile Industrial Corporation For Foreign Economic and Technical Cooperation	-	13.624.508.210
+ BILLION MAX INTERNATIONAL HOLDING LTD	-	4.260.320.744
+ Khách hàng khác	19.117.137.275	13.369.242.888
Phải thu khách hàng trong nước	32.766.592.894	42.310.372.434
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	2.434.615.607	15.866.979.482
+ Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Artex	4.240.769.264	4.240.769.264
+ Công ty TNHH dệt may Minh Thành Hà Nội	3.494.336.304	3.373.115.292
+ Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	8.196.790.091	-
+ Khách hàng khác	14.400.081.628	18.829.508.396
Phải thu khách hàng mua bất động sản	140.347.860.189	90.735.755.011
+ Ông Nguyễn Văn Dũng	6.626.864.345	9.202.510.586
+ Ông Trần Văn Việt	4.614.145.880	6.570.324.000
+ Ông Nguyễn Cảnh Tuấn	3.761.017.861	-
+ Ông Đặng Văn Đang	3.538.915.037	3.371.140.000
+ Khách hàng khác	121.806.917.066	71.591.780.425
Cộng	215.518.780.112	164.300.199.287
Trong đó phải thu bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	8.196.790.091	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	113.175.022.817	41.957.050.878
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	84.739.011.399	12.166.022.910
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	10.077.361.494	-
TRIL UNION MANAGEMENT CO., LTD	2.408.863.033	1.087.511.285
Trả trước cho người bán khác	15.949.786.891	28.703.516.683
b) Dài hạn	-	-
Cộng	113.175.022.817	41.957.050.878
Trong đó phải thu bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	84.739.011.399	12.166.022.910

5.6 Phải thu về cho vay

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	67.878.793.683	57.973.793.233
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	51.703.270.608	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	30.573.860.277	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	21.129.410.331	21.129.410.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	4.149.541.428	4.149.541.428
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bò Xuyên	2.372.275.700	2.372.275.700
Ông Hoàng Minh Tiến (iii)	5.000.000.000	-
Tổ chức cá nhân khác	7.025.981.647	2.120.981.197
b) Dài hạn	-	-
Cộng	67.878.793.683	57.973.793.233
Trong đó phải thu về cho vay là bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	90.000.000	90.000.000

- (i) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Xây dựng Công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.
- (ii) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bò Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.
- (iii) Khoản cho ông Hoàng Minh Tiến vay ngày 08 tháng 08 năm 2018 với số tiền 5.000.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	119.450.505.803	96.468.922.911
Bảo hiểm xã hội	-	294.752.631
Tạm ứng	10.980.668.571	10.082.464.361
Ký cược, ký quỹ	1.965.814.000	1.247.524.872
Phải thu khác	106.504.023.232	84.844.181.047
<u>Trong đó:</u>		
Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	632.207.000	632.207.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.718.468.587	13.059.730.915
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình {i}	7.026.557.116	7.071.411.542
Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình {ii}	3.490.611.275	3.490.611.275
Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình {iii}	76.041.312.586	45.977.047.946
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	-	8.370.124.328
Phải thu khác	3.594.866.668	6.875.255.041
Cộng	119.450.505.803	96.468.922.911
b) Dài hạn	-	-
Trong đó phải thu bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	76.306.182	8.446.430.510
{i}	Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.	
{ii}	Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.	
{iii}	Tiền thu hộ theo quyết định số 4581/UBND – KT ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.	

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	389.142.030	535.252.727
Cộng	389.142.030	535.252.727
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.939.991.521	10.638.671.661
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.765.545.715	-
Cộng	11.705.537.236	10.638.671.661

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN**5.9 Nợ xấu**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 Trình bày lại (VND)			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	10.668.032.402	1.075.111.990	9.592.920.412	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	508.960.639	356.272.447	152.688.192	358.940.340	251.258.238	107.682.102
Từ 1 năm đến 2 năm	524.127.224	262.063.612	262.063.612	1.296.993.560	648.496.780	648.496.780
Từ 2 năm đến 3 năm	1.522.586.436	456.775.931	1.065.810.505	1.355.502.371	406.650.711	948.851.660
Trên 3 năm	8.112.358.103	-	8.112.358.103	6.341.853.529	-	6.341.853.529
GHULAM RABBANI AND CO	833.194.874	-	833.194.874	833.194.874	-	833.194.874
SOFEEENE ENTERPRISES	761.021.813	-	761.021.813	761.021.813	-	761.021.813
LGW Limited	545.706.638	-	545.706.638	545.706.638	-	545.706.638
SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405.703.253	-	405.703.253	405.703.253	-	405.703.253
Đối tượng khác	5.566.731.525	-	5.566.731.525	3.796.226.951	-	3.796.226.951
Cộng	10.668.032.402	1.075.111.990	9.592.920.412	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.10 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	(VND)		(VND)	
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	176.459.325.587	-	68.301.326.456	-
Công cụ, dụng cụ	7.455.497.187	-	6.844.435.570	-
Chi phí SXKD dở dang	187.589.666.991	-	178.346.795.242	-
Dự án Phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	77.745.135.661	-	80.673.711.353	-
Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang Trung	64.403.262.857	-	72.508.362.372	-
Dự án Bồ Xuyên	310.913.727	-	-	-
Dự án Lê Hồng Phong	1.604.050.807	-	-	-
Dự án KCN An Ninh	451.489.802	-	-	-
Dự án văn phòng Hồ Chí Minh	15.642.224.654	-	-	-
Sản phẩm dở dang	27.432.589.483	-	25.164.721.517	-
Thành phẩm	27.299.386.307	-	34.459.257.443	-
Hàng hóa	1.189.863.716	-	5.617.076.592	-
Hàng gửi đi bán	109.205.879	-	338.511.875	-
Cộng	400.102.945.667	-	293.907.403.178	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	124.157.723.069	562.584.504.041	12.353.103.188	516.470.637	699.611.800.935
Mua sắm trong năm	-	6.705.089.273	757.209.091	34.400.000	7.496.698.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.430.405.086)	-	-	(15.430.405.086)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	35.588.526.438	-	-	35.588.526.438
Số dư tại ngày 31/12/2018	124.157.723.069	589.447.714.666	13.110.312.279	550.870.637	727.266.620.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	30.176.105.844	239.076.848.628	3.810.287.590	448.039.014	273.511.281.076
Khấu hao trong năm	7.389.148.209	51.249.230.632	1.331.599.682	34.040.157	60.004.018.680
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.996.954.723)	-	-	(8.996.954.723)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	13.269.487.455	-	-	13.269.487.455
Số dư tại ngày 31/12/2018	37.565.254.053	294.598.611.992	5.141.887.272	482.079.171	337.787.832.488
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	93.981.617.225	323.507.655.413	8.542.815.598	68.431.623	426.100.519.859
Tại ngày 31/12/2018	86.592.469.016	294.849.102.674	7.968.425.007	68.791.466	389.478.788.163

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 102.818.075.965 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 60.902.827.422 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 377.013.257.876 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 426.100.519.859 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại ngày 01/01/2018

Số dư tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 01/01/2018

Khấu hao trong năm

Số dư tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2018

Tại ngày 31/12/2018

Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy vi tính (VND)	Tổng cộng (VND)
1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
625.991.960	360.000.000	985.991.960
96.265.344	-	96.265.344
722.257.304	360.000.000	1.082.257.304
1.299.314.415	-	1.299.314.415
1.203.049.071	-	1.203.049.071

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018			
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
a) Dài hạn						
Đầu tư vào Công ty liên kết		31.575.000.000	-		-	-
Viện Dệt may (i)	30%	31.575.000.000	-	0%	-	-
Cộng		31.575.000.000	-		-	-

(i) Viện Dệt may có vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018 là 50.000.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may...

Tại ngày 16 tháng 08 năm 2018, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 16082018/HĐQT, Công ty thông qua việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện Dệt may cho các nhà đầu tư bên ngoài trong thời gian từ quý IV/2018 đến quý II/2019. Do vậy, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu mà hợp nhất theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	150.568.483.808	123.042.830.719
Phải trả cho nhà thầu xây lắp	96.266.707.429	20.128.212.333
Nhà thầu trong nước	96.266.707.429	20.128.212.333
+ Công ty Cổ phần Xây dựng GM	63.059.209.017	5.675.006.386
+ Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	22.437.973.625	4.643.526.158
+ Công ty CP Xây dựng số 2	5.566.487.400	6.066.487.400
+ Người bán khác	5.203.037.387	3.743.192.389
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	54.301.776.379	102.914.618.386
Nhà cung cấp trong nước	39.641.585.961	40.949.253.509
+ Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	-	21.637.903.680
+ Công ty CP Đức Quân	6.400.664.403	-
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	13.164.521.580	-
+ Công ty TNHH Đông Phong	4.231.688.927	6.425.160.819
+ Người bán khác	15.844.711.051	12.886.189.010
Nhà cung cấp nước ngoài	14.660.190.418	61.965.364.877
+ RCMA Asia Pte Ltd	12.160.989.086	-
+ UDAY COTTON INDUSTRIES	700.276.448	7.660.210.934
+ Textile enterprises limited	965.880.353	8.321.618.701
+ Người bán khác	833.044.531	45.983.535.242
b) Dài hạn	-	-
Cộng	150.568.483.808	123.042.830.719
Trong đó Phải trả người bán là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	-	21.637.903.680

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Trả trước cho hoạt động bất động sản	7.310.071.545	5.478.928.163
Bằng Đồng Việt Nam	7.310.071.545	5.478.928.163
+ Ông Đỗ Văn Ngân	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Ông Phạm Thành Quận	1.045.000.000	-
+ Người mua khác	5.265.071.545	4.478.928.163
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	2.410.498.425	1.139.945.986
Bằng Đồng Việt Nam	814.533.491	1.053.299.863
Bằng ngoại tệ khác	1.595.964.934	86.646.123
Cộng	9.720.569.970	6.618.874.149

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	544.294.281	53.901.524	54.019.711	544.176.094
Thuế thu nhập cá nhân	21.369.607	2.977.227.643	2.205.870.157	792.727.093
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	310.163.219	539.451.326	561.299.699	288.314.846
Các loại thuế khác	-	37.960.000	23.960.000	14.000.000
Cộng	875.827.107	3.608.540.493	2.845.149.567	1.639.218.033
b. Các khoản phải nộp				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	1.555.613	1.555.613
Thuế giá trị gia tăng	-	111.897.779.758	111.924.969.105	27.189.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.893.474.619	4.838.665.676	7.419.436.188	4.474.245.131
Thuế thu nhập cá nhân	24.047.675	384.454.059	397.957.729	37.551.345
Cộng	1.917.522.294	117.120.899.493	119.743.918.635	4.540.541.436

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	420.804.166	542.629.551
Lãi vay phải trả	416.389.348	538.214.733
Chi phí phải trả khác	4.414.818	4.414.818
b) Dài hạn	-	-
Cộng	420.804.166	542.629.551

5.18 Phải trả khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	287.096.774.940	211.694.346.404
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	39.003.602
Kinh phí công đoàn	370.276.380	277.318.160
Bảo hiểm xã hội	41.326.831	27.882.252
Bảo hiểm y tế	4.794.330	36.788.073
Bảo hiểm thất nghiệp	3.774.749	27.912.692
Các khoản phải trả, phải nộp khác	286.676.602.650	211.285.441.625
Trong đó		
Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình (i)	107.922.000.000	107.922.000.000
Cổ tức chưa chi	2.922.585.000	1.022.535.000
Phí bảo trì tòa nhà	4.186.952.279	3.591.544.485
Thu tiền ứng vốn dự án Phú Xuân	169.518.775.688	95.512.890.788
Phải trả khác	2.126.289.683	3.236.471.352
b) Dài hạn	-	-
Cộng	287.096.774.940	211.694.346.404

- (i) Phải trả tiền đất dự án Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 8 tháng 11 năm 2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr -STC do Sở Tài chính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 16 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMISAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.19 Vay và nợ thuế tài chính**a) Gốc vay ngắn hạn**

	31/12/2018	Trong năm		01/01/2018
	(VND)	(VND)		(VND)
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ	435.880.513.348	1.686.315.501.097	1.650.898.484.635	400.463.496.886
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	102.784.731.345	220.413.575.816	194.097.534.471	76.468.690.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {b}	51.128.000.000	217.364.300.000	266.204.300.000	99.968.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	34.216.640.000	120.518.573.355	145.936.084.977	59.634.151.622
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	23.646.700.000	70.224.805.000	68.908.785.000	22.330.680.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hải Phòng	-	131.386.149.058	196.406.949.937	65.020.800.879
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	64.124.989.443	148.474.186.580	113.194.846.097	28.845.648.960
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {f}	45.925.110.000	588.409.721.500	581.805.482.500	39.320.871.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	19.812.675.798	28.687.330.223	8.874.654.425
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	21.300.076.000	76.695.394.144	55.395.318.144	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội {h}	28.118.076.000	28.185.308.000	67.232.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình {i}	64.636.190.560	64.830.811.846	194.621.286	-
Vay ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng	206.998.241.238	543.891.984.290	477.974.744.652	141.081.001.600
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {f}	129.431.256.456	292.694.640.537	273.994.385.681	110.731.001.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	35.740.416.302	99.132.171.422	93.741.755.120	30.350.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	93.738.603.851	93.738.603.851	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	8.936.568.480	14.036.568.480	5.100.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	32.890.000.000	44.290.000.000	11.400.000.000	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	16.826.308.080			37.061.021.848
(xem thuyết minh số 5.19b)				
Cộng	659.705.062.666			578.605.520.334

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản nợ vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

{a} Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2150/IVB-HĐHM/2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc tại nhà máy Damsan I - KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình.

Và Khoản vay theo thỏa thuận số 02/ST/18/DAMSAN ngày 08 tháng 08 năm 2018 trị giá 615.000 USD thời hạn cho vay từ 08 tháng 08 năm 2018 đến 11 tháng 02 năm 2019. Mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

{b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 16/2018/HĐHM/PVC-CNTB ngày 15 tháng 11 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn). Thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ hoạt động kinh doanh bất động sản). Tài sản bảo đảm là sổ tiết kiệm có giá trị tối thiểu 40 tỷ đồng, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Công ty.

{c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 27876.17.755.1155640.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Khoản vay có tài sản bảo đảm là tiền mặt, tiền gửi, thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi tại MBBank, xe ô tô Audi, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%, 01 hệ thống xử lý bông xuất xứ Thái Lan (nhập khẩu theo Hợp đồng nhập khẩu số 170224/SO-01).

{d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 5728/18/HĐTDHM-DN/013 ngày 01 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.

{e} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2127123/HĐTD ngày 04 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 (chín mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 08 năm 2019. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/7217771/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng (sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn), thời hạn hiệu lực của

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị nhà máy.

{f} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-201800750/HĐTD-DS ngày 11 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/09/2018, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất sợi Damsan II tại KCN Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.

{g} Khoản vay 2018 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2018-HĐCVHM/NHCT360-DAMSAN ngày 26 tháng 11 năm. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2019. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 70%.

{h} Khoản vay 2018 Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0145/HĐTDHM ngày 24 tháng 05 năm. Tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 24 tháng 05 năm 2018. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 40%.

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 296/HĐHM-PN/SHB.112600 ngày 20 tháng 07 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 20 tháng 07 năm 2018. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN**b) Gốc vay dài hạn**

	31/12/2018 (VND)	Trong năm (VND)		01/01/2018 (VND)
		Tăng	Giảm	
Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ	159.077.829.277	4.038.965.631	14.310.102.905	169.348.966.551
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	611.242	1.390.266.973	1.389.655.731
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	5.943.943	938.118.168	932.174.225
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {a}	10.002.575.708	310.769.765	4.283.401.894	13.975.207.837
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình {b}	149.075.253.569	3.721.640.681	7.698.315.870	153.051.928.758
Vay dài hạn bằng Việt Nam Đồng	-	-	66.820.747.772	66.820.747.772
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	-	12.656.007.672	12.656.007.672
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	54.164.740.100	54.164.740.100
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	2.144.218.184	2.144.218.184
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	2.144.218.184	2.144.218.184
Trừ: Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(16.826.308.080)	-	-	(37.061.021.848)
(Được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	-	-	-	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	-	-	(8.660.239.815)
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	-	-	(1.389.655.731)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	(4.276.708.080)	-	-	(4.191.708.118)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	(12.549.600.000)	-	-	(20.675.200.000)
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	-	(2.144.218.184)
Cộng	142.251.521.197	-	-	201.252.910.659

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản nợ vay dài hạn

- {a} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46.15.755.1155640.TD ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng 135.590 Euro hoặc VND/USD tương đương. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để thanh toán tiền máy móc thiết bị theo hợp đồng số 1402137 ngày 06 tháng 01 năm 2015. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng nhập khẩu số 1402137 ngày 06 tháng 01 năm 2015 có tổng giá trị là 193.700 EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hợp đồng tín dụng số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 53.000.000.000 đồng (năm mươi ba tỷ đồng). Thời hạn của mỗi khoản cấp tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh, kỳ trả gốc và lãi theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay là xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan", mở L/C. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hình thành từ vốn tự có của khách hàng để hoàn thiện Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan".

- {b} Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/727771/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2015, phụ lục Hợp đồng ngày 09 tháng 08 năm 2017. Tổng số tiền vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 6.414.597,83 USD, với thời hạn vay 102 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Mỗi khoản vay có thời hạn là 180 ngày và ân hạn trong 06 tháng, lãi suất theo từng khế ước. Mục đích vay: đầu tư xây dựng và mua máy móc thiết bị nhà máy kéo sợi EIFFEL. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay dự án, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô 159/14/KCN Gia Lễ, Đông Xuân, Đông Hưng, Thái Bình

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
	Giá trị	Giá trị
Trong vòng một năm	16.826.308.080	37.061.021.848
Từ hai đến năm thứ năm	142.251.521.197	201.252.910.659
Cộng	159.077.829.277	238.313.932.507
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	16.826.308.080	37.061.021.848
Số phải trả sau 12 tháng	142.251.521.197	201.252.910.659

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận Sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
Tại ngày 01/01/2017	168.734.810.000	322.900.000	2.294.024.276	5.007.392.770	64.991.964.500	15.029.143.628	256.380.235.174
Tăng vốn trong năm	86.443.200.000	59.960.687.273	-	-	-	-	146.403.887.273
Lãi trong năm	-	-	-	-	57.917.983.036	4.940.777.762	62.858.760.798
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.766.000.000	(1.766.000.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.747.962.000)	-	(33.747.962.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.066.000.000)	-	(1.066.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	6.773.392.770	86.329.985.536	19.969.921.390	430.828.921.245
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	50.524.471.856	5.915.870.758	56.440.342.614
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	1.885.762.824	(1.885.762.824)	-	-
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(51.035.602.000)	(3.000.000.000)	(54.035.602.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.257.175.216)	-	(1.257.175.216)
Tại ngày 31/12/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	8.659.155.594	82.675.917.352	42.885.792.148	451.976.486.643

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 1404/2018/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 14 tháng 04 năm 2018 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển (3% lợi nhuận sau thuế):	1.885.762.824 đồng
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế):	1.257.175.216 đồng
Chia cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 20%):	51.035.602.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.517.801	25.517.801
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.839.442.890.839	1.503.377.958.705
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.674.031.438.449	1.328.277.981.531
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.021.873.526	3.433.683.917
Doanh thu kinh doanh bất động sản	147.056.784.109	171.666.293.257
Doanh thu khác	2.332.794.755	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(336.700.205)	(732.509.861)
- Giảm giá hàng bán	(336.700.205)	-
- Hàng bán bị trả lại	-	(732.509.861)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.839.106.190.634	1.502.645.448.844

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.580.640.876.349	1.235.008.918.581
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.305.558.852	1.548.777.460
Giá vốn bất động sản đã bán	118.267.761.283	144.316.638.369
Cộng	1.709.214.196.484	1.380.874.334.410

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.695.935.386	27.358.700.711
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.742.243.530	5.454.033.645
Cộng	28.438.178.916	32.812.734.356

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	41.563.073.169	34.384.607.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.650.629.480	5.045.132.978
Chi phí tài chính khác	296.053.665	528.000
Cộng	62.509.756.314	39.430.268.948

6.5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.773.445.415	29.884.017.807
Chi phí khấu hao	3.602.055.942	2.413.000.570
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	8.843.917.628	6.053.749.451
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(56.865.995)	-
Trích dự phòng phải thu khó đòi	1.602.902.336	1.936.979.686
Chi phí mua ngoài khác	16.781.435.504	19.480.288.100
b) Chi phí bán hàng	11.125.290.346	13.050.112.324
Chi phí nhân viên	634.790.929	536.008.547
Chi phí hoa hồng	2.206.945.080	2.481.003.979
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.927.028.092	8.516.252.952
Chi phí khác	1.356.526.245	1.516.846.846
Cộng	41.898.735.761	42.934.130.131

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Thu phí chuyển nhượng lô đất	964.420.750	122.140.000
Thu lãi phạt hợp đồng kinh tế	230.039.500	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	6.021.532.733	119.354.768
Thu tiền chiết khấu	13.636.364	-
Thu nhập khác	1.101.951.605	608.606.910
Cộng	8.331.580.952	850.101.678

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	447.759.900	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	8.213.032	1.331.761.586
Chi phí tài trợ không được tính vào chi phí được trừ	187.030.605	-
Chi phí khác	101.768.786	699.698.327
Cộng	744.772.323	2.031.459.913

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	50.524.471.856	57.917.983.036
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(1.010.489.437)	(1.737.539.491)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.513.982.419	56.180.443.545
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.517.801	17.109.665
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.940	3.284

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 1404/2018/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 14 tháng 04 năm 2018.

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	690.117.262.136	473.189.079.541
Chi phí nhân công	63.384.800.382	59.627.527.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.574.671.519	60.330.738.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.696.475.504	754.854.033.167
Chi phí khác bằng tiền	19.457.739.253	45.542.682.810
Cộng	974.230.948.794	1.393.544.061.630

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu/thực trả trong năm:**

Số dư các khoản vay tại ngày 01/01/2018	816.433.921.310 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.232.372.915.704 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.214.059.782.278 VND
Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2018	3.785.019.444 VND
Số dư các khoản vay tại ngày 31/12/2018	801.956.583.863 VND

7.2 Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư:

Khấu hao Tài sản cố định hữu hình trong năm	60.004.018.680 VND
Khấu hao Tài sản cố định thuê tài chính trong năm	1.474.387.495 VND
Khấu hao Tài sản cố định vô hình trong năm	96.265.344 VND
Tổng cộng	61.574.671.519 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Báo cáo bộ phận

8.1.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bảng cân đối kế toán

	Hoạt động kinh doanh Bổng	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)
Tài sản					
Tài sản bộ phận	263.675.491.063	60.091.722.463	100.996.831.889	304.032.703.181	728.796.748.596
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	984.111.433.591
Tổng tài sản hợp nhất	263.675.491.063	60.091.722.463	100.996.831.889	304.032.703.181	1.712.908.182.187
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	28.531.729.557	15.600.348.844	13.797.505.128	102.359.470.249	160.289.053.778
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.100.642.641.766
Tổng nợ phải trả hợp nhất	28.531.729.557	15.600.348.844	13.797.505.128	102.359.470.249	1.260.931.695.544
	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản					
Tài sản bộ phận	75.362.401.543	59.119.782.115	134.870.442.561	202.351.263.371	471.703.889.590
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.093.428.046.151
Tổng tài sản hợp nhất	75.362.401.543	59.119.782.115	134.870.442.561	202.351.263.371	1.565.131.935.741
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	61.933.626.839	1.938.709.428	9.082.542.129	25.607.140.496	98.562.018.892
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.035.740.995.604
Tổng nợ phải trả hợp nhất	61.933.626.839	1.938.709.428	9.082.542.129	25.607.140.496	1.134.303.014.496

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động kinh doanh Bổng (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn (VND)	Hoạt động KD bất động sản (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	241.178.452.457	1.165.536.425.817	271.056.244.976	147.056.784.109	14.278.283.275	1.839.106.190.634
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác						-
Tổng Doanh thu	241.178.452.457	1.165.536.425.817	271.056.244.976	147.056.784.109	14.278.283.275	1.839.106.190.634
Khấu hao và chi phí phân bổ	229.639.109.056	1.109.770.560.637	258.087.378.728	140.020.754.505	13.595.129.319	1.751.112.932.245
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.539.343.401	55.765.865.180	12.968.866.248	7.036.029.604	683.153.956	87.993.258.389
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.539.343.401	55.765.865.180	12.968.866.248	7.036.029.604	683.153.956	87.993.258.389
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	28.438.178.916
Chi phí tài chính						7.586.808.629
Lợi nhuận trước thuế						62.509.756.314
Chi phí thuế TNDN						61.508.489.620
Lợi nhuận trong năm						5.068.147.006
						56.440.342.614

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Hoạt động kinh doanh Bổng (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn (VND)	Hoạt động KD bất động sản (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	110.616.702.263	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.502.645.448.844
Tổng Doanh thu	110.616.702.263	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.502.645.448.844
Khấu hao và chi phí phân bổ	104.813.146.123	928.149.386.342	221.047.015.005	162.659.742.259	7.139.174.812	1.423.808.464.541
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.803.556.140	51.392.094.108	12.239.483.390	9.006.550.998	395.299.667	78.836.984.303
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.803.556.140	51.392.094.108	12.239.483.390	9.006.550.998	395.299.667	78.836.984.303
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	32.812.734.356
Chi phí tài chính						(1.181.358.235)
Lợi nhuận trước thuế						39.430.268.948
Chi phí thuế TNDN						71.038.091.476
Lợi nhuận trong năm						8.179.330.678
						62.858.760.798

8.1.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Chỉ tiêu	Thị trường nội địa VND	Thị trường xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	857.169.005.265	981.937.185.369	1.839.106.190.634
2. Tài sản bộ phận	1.661.220.318.588	51.687.863.599	1.712.908.182.187

8.2. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Ngày 31/12/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.396.650.126	-	31.396.650.126
Phải thu khách hàng	215.518.780.112	-	215.518.780.112
Đầu tư	319.952.749.369	31.575.000.000	351.527.749.369
Phải thu về cho vay	67.878.793.683	-	67.878.793.683
Phải thu khác	119.450.505.803	-	119.450.505.803
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	9.592.920.412	-	9.592.920.412
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	744.604.558.681	31.575.000.000	776.179.558.681
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	659.705.062.666	142.251.521.197	801.956.583.863
Phải trả người bán	150.568.483.808	-	150.568.483.808
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	287.517.579.106	-	287.517.579.106
Tổng cộng	1.097.791.125.580	142.251.521.197	1.240.042.646.777
Chênh lệch thanh khoản thuần	(353.186.566.899)	(110.676.521.197)	(463.863.088.096)
Ngày 01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.247.764.083	-	172.247.764.083
Phải thu khách hàng	164.300.199.287	-	164.300.199.287
Đầu tư	264.299.550.814	-	264.299.550.814
Phải thu về cho vay	57.973.793.233	-	57.973.793.233
Phải thu khác	96.468.922.911	3.606.902.550	100.075.825.461
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	8.046.884.071	-	8.046.884.071
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	747.243.346.257	3.606.902.550	750.850.248.807
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	578.605.520.334	201.252.910.659	779.858.430.993
Phải trả người bán	123.042.830.719	-	123.042.830.719
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	212.236.975.955	-	212.236.975.955
Tổng cộng	913.885.327.008	201.252.910.659	1.115.138.237.667
Chênh lệch thanh khoản thuần	(166.641.980.751)	(197.646.008.109)	(364.287.988.860)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	402.848.079.598	322.349.817.981	402.848.079.598	322.349.817.981
<i>Phải thu về cho vay</i>	215.518.780.112	164.300.199.287	215.518.780.112	164.300.199.287
<i>Phải thu khác</i>	67.878.793.683	57.973.793.233	67.878.793.683	57.973.793.233
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	119.450.505.803	100.075.825.461	119.450.505.803	100.075.825.461
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	351.349.399.495	436.547.314.897	351.349.399.495	436.547.314.897
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	4.190.000.000	-	4.190.000.000	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	315.762.749.369	264.299.550.814	315.762.749.369	264.299.550.814
	31.396.650.126	172.247.764.083	31.396.650.126	172.247.764.083
Tổng cộng	754.197.479.093	758.897.132.878	754.197.479.093	758.897.132.878
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667
<i>Phải trả người bán</i>	801.956.583.863	779.858.430.993	801.956.583.863	779.858.430.993
<i>Phải trả khác</i>	150.568.483.808	123.042.830.719	150.568.483.808	123.042.830.719
	287.517.579.106	212.236.975.955	287.517.579.106	212.236.975.955
Tổng cộng	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.3 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH Đông Phong

Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cùng chung người quản lý chủ chốt

Cùng chung người quản lý chủ chốt

Lãnh đạo chủ chốt

b) Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Doanh thu	415.823.737.422	309.309.942.808
Công ty TNHH Đông Phong	9.419.880.079	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	406.403.857.343	309.309.942.808
Mua hàng	582.910.325.564	679.284.436.456
Công ty TNHH Đông Phong	19.496.080.120	30.311.677.198
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	563.414.245.444	648.972.759.258

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Các khoản phải thu khách hàng	8.196.790.091	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	8.196.790.091	-
Các khoản trả trước cho người bán	84.739.011.399	12.166.022.910
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	84.739.011.399	12.166.022.910
Các khoản phải trả người bán	2.137.414.366	6.425.160.819
Công ty TNHH Đông Phong	2.137.414.366	6.425.160.819
Các khoản phải thu về cho vay	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Đông Phong	90.000.000	90.000.000
Các khoản phải thu khác	76.306.182	8.446.430.510
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	-	8.370.124.328
Công ty TNHH Đông Phong	76.306.182	76.306.182

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Lương và tiền thưởng BGĐ, Hội đồng Quản trị	1.268.683.333	1.151.852.152
Cộng	1.268.683.333	1.151.852.152

8.4 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có thực hiện bảo lãnh cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC vay vốn theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 27988.17.755.1188096.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017 và hợp đồng cho vay số 93.17.755.1188096 ngày 26 tháng 06 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Thái Bình với Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC, số dư vay là 49.737.457.840 đồng (tương đương 2.140.166 USD) đảm bảo bằng tài sản là các giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành được Công ty Cổ phần DamSan bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện bất thường nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế. Một số số liệu trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình Công ty bày lại theo đúng chi tiết đối tượng. Cụ thể:

	31/12/2017	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
Phải thu khác		
a) Ngắn hạn	96.468.922.911	96.468.922.911
Bảo hiểm xã hội	294.752.631	294.752.631
Tạm ứng	10.082.464.361	10.082.464.361
Ký cược, ký quỹ	1.247.524.872	1.247.524.872
Phải thu khác	84.844.181.047	84.844.181.047
<i>Trong đó:</i>		
Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	2.598.021.000	632.207.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.059.730.915	13.059.730.915
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình	7.071.411.542	7.071.411.542
Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình	3.492.103.922	3.490.611.275
Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình	45.977.047.946	45.977.047.946
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	8.370.124.328 -	8.370.124.328
Phải thu khác	4.275.741.394	6.875.255.041
a) Dài hạn	-	-
Cộng	96.468.922.911	96.468.922.911
Phải thu về cho vay		
	31/12/2017	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	57.973.793.233	57.973.793.233
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	31.830.886.226	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	31.830.886.226	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	-	21.129.410.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	25.237.907.007	4.149.541.428
+ Dự án Phú Xuân	21.088.365.579	-
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	2.372.275.700	2.372.275.700
Tổ chức cá nhân khác	905.000.000	2.120.981.197
b) Dài hạn	-	-
Cộng	57.973.793.233	57.973.793.233

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN**Nợ xấu**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2018 Trình bày lại (VND)		Dự phòng thu hồi
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	8.340.300.658	293.416.587	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-	-
Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	-	-	-
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-	-	-	-
Trên 3 năm	8.340.300.658	293.416.587	8.046.884.071	8.046.884.071	8.046.884.071
GHULAM RABBANI AND CO	779.826.357	-	779.826.357	-	-
SOFEE NE ENTERPRISES	712.276.187	-	712.276.187	-	-
LGW Limited	510.752.565	-	510.752.565	-	-
SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405.703.253	-	405.703.253	-	-
Đối tượng khác	5.931.742.296	293.416.587	5.638.325.709	-	-
Cộng	8.340.300.658	293.416.587	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071

NGƯỜI LẬP BIỂU**Lê Xuân Chiến****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Lê Xuân Chiến**

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC**Vũ Huy Đông**